

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2020 – 2021**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ vào Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ vào Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ vào Quyết định số 2632/QĐ-BGDĐT ngày 24/7/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ vào Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Căn cứ vào Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 - 2021;
- Căn cứ Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2020 - 2021 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;
- Căn cứ vào Công văn số 1088/SGDĐT-MNTH, ngày 15/10/2019 của Sở GD và ĐT Trà Vinh về việc hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 – 2021;
- Căn cứ vào Kế hoạch số 14/KH-PGDĐT ngày 13/7/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiểu Cần về Kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông mới;
- Căn cứ vào Kế hoạch số 32/KH-TH.CQA, ngày 18/8/2018 của Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A về hoạch chiến lược phát triển giáo dục Giai đoạn 2018 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;
- Căn cứ vào Kế hoạch số 10/KH-TH.CQA, ngày 12/10/2020 của Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2020 – 2021.

Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2020- 2021 như sau:

II. TỔNG QUAN VỀ NHÀ TRƯỜNG

Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A được thành lập từ sau năm 1975 với các tên gọi là Trường Tiểu học Long Thới A, trường Tiểu học cấp IA Long Thới,

trường Tiểu học Long Thới 3. Năm 1992, xã Long Thới được chia thành 02 khu vực hành chính (thị trấn Cầu Quan và xã Long Thới) thì nhà trường chính thức được mang tên là trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A cho đến nay. Hội đồng sư phạm nhà trường gồm có 40 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó có 33 giáo viên dạy lớp. Các giáo viên trong trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn. Trong đó, trên chuẩn (ĐH): 23/33 giáo viên chiếm tỉ lệ 69,69%.

Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A được UBND tỉnh Trà Vinh công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 5/2014 (theo QĐ số 759/QĐ-UBND ngày 26/5/2014); được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào tháng 01/2015 (theo Quyết định số 23/QĐ-SGDĐT, ngày 15/01/2015). Trong nhiều năm liền, trường luôn được UBND huyện, UBND tỉnh xét công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động Xuất sắc. Chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên qua từng học kì, từng năm học. Hàng năm đều huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; tổ chức tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” và duy trì tốt sĩ số học sinh hàng năm. Số học sinh lớp 5 được công nhận Hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt 100%. Hiệu quả đào tạo 5 năm gần đây đều đạt trên 95%. Đơn vị thường xuyên đạt nhiều giải trong các phong trào, hội thi như: Vở sạch chữ đẹp, Tin học trẻ, giải Toán trên internet, Tiếng Anh trên internet, kể chuyện sách, sắc màu tuổi thơ, bóng đá mini... Nhiều năm qua, trường đã được UBND huyện Tiểu Cần, UBND tỉnh Trà Vinh tặng Giấy khen “Tập thể Lao động Xuất sắc.

*** Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

Chỉ danh	TS BC	Nữ	Đtộc		Đảng viên			Trình độ SP			Tđộ QLý		Lluận ctrị	
			TS	Nữ	TS	Nữ	Dt	ĐH	CD	TC	CN	BD	TC	SC
1. Hiệu trưởng - Phó Htrưởng	1 2	1 1			1 1	1 1		01 02				01 02	01 01	
2. TPT đội	1				1			01						
3. GV dạy lớp	32	16	01	01	19	9		21	09	02		01	02	09
4+ NV KT+VT + NV TV+TB + NV YT+TQ	1 1	1			1 1	1		01		01				
5. NV bảo vệ - NV phục vụ	2													
Tổng cộng	40	19	01	01	24	12		26	09	03		04	04	09

Chỉ danh	Trình độ Tin học				Trình độ ngoại ngữ							TN mới từ 8/2020		
	ĐH	CD	B	A/nc	ĐH	CD	B2	B1	A2/B	A	CIKm	SP	Ctrị	TH/NN
1.Hiệu trưởng				01					01					
- Phó HT			01	01					02					
2.GV dạy lớp	01		14	12			01	02	22	03	01			
3+NVKT+VT + NV TV+TB + NVYT+TQ				01 01					01	 01				
4. NV bảo vệ -NV phục vụ														
Tổng cộng	01		15	16			01	02	26	04	01			

Đối với lớp 1: có 08 GV (nữ 05) tham gia giảng dạy, trong đó có 05 GV làm công tác chủ nhiệm và 03 GV dạy chuyên (AN, GDTC, MT); có 7/8 GV trình độ Đại học, 01 GV trình độ Cao đẳng (đang tham gia học nâng chuẩn theo lộ trình nâng chuẩn của nhà trường giai đoạn 2020-2025).

*** Học sinh:**

Năm học 2020 - 2021, nhà trường có 26 lớp với tổng số 888 học sinh, chia ra:

- + Lớp 1: 5 lớp/180 HS (tuyển mới 177, lưu ban 03, nữ 75, D. tộc 06)
- + Lớp 2: 5 lớp/182 HS (tuyển mới 03, lưu ban 05, nữ 92, D. tộc 04)
- + Lớp 3: 6 lớp/214 HS (tuyển mới 04, lưu ban / , nữ 102, D. tộc 08)
- + Lớp 4: 5 lớp/162 HS (tuyển mới 02, nữ 75, D. tộc 05)
- + Lớp 5: 5 lớp/150 HS (tuyển mới 05, nữ 74, D. tộc /)

*** Về cơ sở vật chất:**

- Tổng diện tích đất toàn trường với 2 điểm là: 9161,1m²/ 888 học sinh chiếm tỉ lệ 10,31m²/hs, sân chơi có diện tích 5.800m², sân tập có diện tích 440m². Diện tích sân chơi và sân tập chiếm tỉ lệ 68,11% diện tích toàn trường.

Điểm trường chính được xây dựng gần trung tâm khu dân cư, thuận tiện cho việc đi học của học sinh cư ngụ nhóm 1, 2, 3. Trường đặt nơi thích hợp, không gian thoáng mát, xa khu vực chợ, không bị ảnh hưởng bởi khói, bụi... Sân trường được trồng cây xanh – cây cảnh, tạo bóng mát cho học sinh học tập, sinh hoạt vui chơi. Bố trí nhiều thùng rác công cộng. Điểm trường lẻ đặt cách điểm trường chính 0,5 km² thuận tiện cho học sinh nhóm 4, 5, 6 do mới xây dựng nên chưa có cây xanh bóng mát và sân chơi còn ngập nước, cát trũng, cảnh quan chưa đẹp.

- Số lượng phòng học: 26 phòng/26 lớp. Tổng số học sinh toàn trường là 888 HS, bình quân 35 HS/lớp.

Diện tích 01 phòng là 64m², bình quân 2 m²/HS.

Phòng học được xây dựng đúng quy cách, đủ ánh sáng;

- Có 508 bộ bàn ghế phù hợp cho tất cả học sinh; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn ghế học sinh bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế

- Khối phòng chức năng: phòng Hiệu trưởng; phòng Phó Hiệu trưởng; phòng Y tế; Văn phòng; phòng thiết bị; phòng thư viện; phòng đội; phòng máy tính; phòng họp.

- Đảm bảo yêu cầu vệ sinh: Nước sạch, vệ sinh môi trường, việc vệ sinh tổ chức cho học sinh quét dọn hàng ngày.

- Thư viện: Phòng Thư viện do Room to Read xây dựng khang trang đáp ứng nhu cầu phục vụ cho CB-GV-NV và HS. Thư viện được công nhận tiến tiến vào tháng 7/2020.

- Đối với lớp 1:

- + Phòng học: 5 phòng/5 lớp
- + Bàn ghế HS: 90 bộ bàn ghế 2 chỗ đúng quy cách cho HS lớp 1
- + Bàn ghế GV: 5 bộ
- + Bảng chống lóa: 5
- + Trang thiết bị đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học.

III. BỐI CẢNH CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Môi trường bên trong:

1.1. Mặt mạnh:

- Đội ngũ CBQL, GV, NV tích cực trong tự học, tự bồi dưỡng trình độ chuyên môn, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục.

- Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh, đặc biệt kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế đời sống, tăng cường ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học, sinh hoạt chuyên môn. Ngoài ra nhà trường đã tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị nhằm bảo đảm cho GV có nhiều điều kiện hơn trong lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Công tác xã hội hoá giáo dục đã được quan tâm đẩy mạnh, đặc biệt tăng cường phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể xã hội ở địa phương, các cơ quan cấp trên để hỗ trợ cho HS nghèo vượt khó, học sinh có hoàn cảnh khó khăn...

1.2. Mặt yếu:

- Tổ chức quản lý của lãnh đạo nhà trường: Phó Hiệu Trưởng chưa có chứng chỉ Tin học nâng cao nên gặp khó khăn về công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên: chưa đồng đều về chuyên môn – nghiệp vụ, còn một vài GV chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển GD, thiếu tâm huyết, tinh thần trách nhiệm không cao, trình độ ứng dụng CNTT còn hạn chế, không chịu khó học tập, chưa tích cực tự giác trong công tác. Đời sống GV còn nhiều khó khăn.

- Cơ sở vật chất: Nhà trường có nhiều cải thiện, song chưa đủ đáp ứng kịp thời theo những yêu cầu giáo dục của trường học hiện nay; thiếu phòng chức năng và các trang thiết bị bên trong (đa số hiện nay là ghép phòng); chưa đủ nhà vệ sinh cho học sinh, sân chơi bãi tập chưa hoàn chỉnh làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và chất lượng các hoạt động của nhà trường.

2. Môi trường bên ngoài:

2.1. Mặt mạnh:

Kinh tế địa phương ngày càng phát triển, số hộ nghèo giảm đi, đời sống nhân dân ngày càng ổn định, từ đó có sự quan tâm nhiều đến học sinh.

2.2. Mặt yếu:

- Tình hình an ninh rất tự trên địa bàn thị trấn ổn định, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ về các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông...

- Đời sống kinh tế của một số phụ huynh học sinh còn khó khăn, đi làm ăn xa nên chưa quan tâm đến chất lượng học tập của các em.

3. Cơ hội:

- Đảng và Nhà nước xem Giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục.

- Toàn Đảng, toàn dân ra sức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội

nhập quốc tế”; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiểu Cần, Đảng ủy, UBND Thị trấn Cầu Quan, sự hỗ trợ tích cực của các ban ngành, đoàn thể địa phương, sự đồng tình ủng hộ của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tầng lớp nhân dân trong địa bàn.

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và phụ huynh học sinh ngày càng cao. Phụ huynh học sinh rất quan tâm đến việc học tập của con em và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho con em được học tập.

- Trong những năm học gần đây các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

- Kinh tế địa phương ngày càng phát triển, số hộ nghèo giảm đi, đời sống nhân dân ngày càng ổn định, từ đó có sự quan tâm nhiều đến học sinh.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngày càng được củng cố, môi trường học tập được cải thiện, đáp ứng phục vụ tốt cho dạy và học.

4. Thách thức:

- Việc thực hiện đề án nhập trường, xóa một số điểm lẻ của ngành giáo dục trên địa bàn thị trấn Cầu Quan sẽ làm gia tăng số lượng lớp, số học sinh tại trường (học sinh lân cận), trong khi điểm trường chính (khóm 3) không thể mở rộng thêm diện tích, từ đó sẽ thiếu các phòng chức năng tại điểm trường chính, khó đáp ứng cho việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; mặt khác dân số trên địa bàn quản lý của nhà trường và vùng giáp ranh sẽ gia tăng đáng kể, trường sẽ rất khó khăn trong khâu tiếp nhận HS.

- Việc thực hiện chính sách theo Nghị định 108, nghỉ hưu đúng tuổi nhưng việc tuyển dụng viên chức mới chưa kịp thời nên bổ sung nhân sự còn chậm.

- Chưa đủ giáo viên để 100% lớp được học 9 buổi/tuần.

- Trong thời kỳ hội nhập và phát triển yêu cầu đòi hỏi của xã hội cũng như của gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục, đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

- Chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý chưa đáp ứng tốt các yêu cầu đổi mới GD. Cần có sự bứt phá vươn lên, sự cạnh tranh về chất lượng GD giữa các trường trong khu vực. Từng bước khẳng định thương hiệu của nhà trường.

3. Các vấn đề cần ưu tiên giải quyết

Nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện thành công nâng cao chất lượng giáo dục để xây dựng Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A đạt chuẩn quốc gia và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, nhà trường cần quan tâm thực hiện các nội dung sau:

- *Một là*, nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục; chú trọng công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng; tập trung nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho đội ngũ CB – GV – NV.

- *Hai là*, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; chú trọng chất lượng giáo dục đại trà và phát triển các thể mạnh, mũi nhọn.

- *Ba là*, tham mưu xây phòng chức năng, phòng học bộ môn và các thiết bị bên trong; xây dựng đủ nhà vệ sinh cho học sinh.

- *Bốn là*, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường. Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị, tạo cảnh quan môi trường giáo dục.

- *Năm là*, tập trung xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, có thương hiệu về văn hóa nhà trường, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực.

4. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường với lộ trình, chỉ tiêu, giải pháp, điều kiện cụ thể để thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo qui định của Bộ GD-ĐT. Cụ thể:

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Ưu tiên xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL có chất lượng cao, có bản lĩnh chính trị đạo đức vững vàng; đồng thời coi trọng xây dựng đội ngũ có ý thức trách nhiệm và năng lực phục vụ dạy học, giáo dục, quản trị nhà trường.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường; tập trung trang bị theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học và công tác quản lý.

- Xây dựng các mối quan hệ giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tạo mối quan hệ chặt chẽ, phối hợp hành động đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý, giáo dục học sinh, công tác xã hội hóa giáo dục.

- Thực hiện việc việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh.

- Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, dạy học theo chủ đề/chuyên đề, dạy học trải nghiệm.

- Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa (câu lạc bộ; tăng cường Toán, Tiếng Việt; bồi dưỡng HS yếu,...).

IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

- Tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của học sinh.

- Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

- Nâng cao chất lượng giáo dục. Yêu cầu đó phải được quán triệt cả về nhận thức và hành động trong mỗi Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên của nhà trường và cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đến các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban đại diện CMHS và Nhân dân ở địa phương.

- Tham mưu tuyển dụng đầy đủ đội ngũ giáo viên, thực hiện công tác bồi dưỡng, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học phục vụ việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo qui định. Cụ thể:

+ Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

+ Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý.

Sứ mệnh:

Tạo dựng môi học tập “ **Nề nếp, kỷ cương, chất lượng** ”. Mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển khả năng sáng tạo của bản thân.

Tầm nhìn:

Trở thành một trường học có chất lượng cao; đào tạo những con người “ **Khỏe mạnh về thể chất, năng động về trí tuệ và luôn giàu lòng nhân ái.** ”

Giá trị cốt lõi:

“ **Đoàn kết – Trách nhiệm – Trung thực – Sáng tạo – Nhân ái** ”

- **Đoàn kết:** Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung.

- **Trách nhiệm:** nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, ra sức thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dạy và học.

- **Trung thực:** Đề cao giá trị lòng tự trọng, tính trung thực và ý thức cộng đồng của học sinh, trên nền tảng phẩm chất, tư cách, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

- **Sáng tạo:** Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

- **Nhân ái:** Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ với mọi người.

Phương châm hành động: “ **Rèn đức, luyện tài** ”

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

Phấn đấu trên 98% học sinh đạt hoàn thành các môn học bắt buộc, nội dung giáo dục của địa phương; 100% học sinh xếp đạt về các năng lực, phẩm chất theo qui định tại thông tư 32/2018/BGDĐT; 100% học sinh tham gia và hoàn thành mục tiêu các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cụ thể:

+ Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình GDPT 2018, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động GD.

+ Nâng cao chất lượng giáo dục, làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn.

2.2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Đảm bảo về số lượng và cơ cấu phù hợp đáp ứng thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn theo chức danh nghề nghiệp quy định; phấn đấu 100% giáo viên đạt chuẩn vào năm 2025 (theo Luật Giáo dục 2019 và Thông tư 71 về lộ trình nâng chuẩn GV).

- 100% cán bộ, giáo viên phải thực hiện công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng thường xuyên hàng năm.

- Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên đề để bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên.

2.3. Học sinh

100% học sinh được học 2 buổi/ngày (9-10 buổi/tuần); sĩ số 35 HS/lớp

2.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Phòng học (1 phòng/lớp), phòng làm việc, phòng phục vụ được đầu tư, sửa chữa nâng cấp và xây mới; trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.

- Các phòng tin học, ngoại ngữ, giáo dục nghệ thuật được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại.

- Hoàn thiện hệ thống sân chơi, bãi tập, các điều kiện phục vụ các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng Thư viện điện tử, Thư viện tiên tiến

- Tạo cảnh quan môi trường sư phạm: “*xanh-sạch-đẹp-an toàn*”.

- Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định của Bộ GD và ĐT

2.5. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

- Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng và nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sinh hoạt chuyên môn, trong giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

- 100% giáo viên biết sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, biết sử dụng phần mềm để soạn giảng, ra đề thi, hồ sơ sổ sách,...

- Cập nhật các phần mềm quản lý đầy đủ chính xác, sử dụng website trường, vnEdu làm đầu mối liên hệ trao đổi thông tin với giáo viên và PHHS.

- Biết sử dụng hệ thống “Trường học kết nối” để tham gia sinh hoạt, học tập chuyên môn và tập huấn trực tuyến.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

- **Đối với các lớp 2 – 5:** thực hiện theo Chương trình giáo dục tiểu học hiện hành (Quyết định số 16/2006/BGDĐT) và tiếp tục thực hiện các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới (MHTHM) tại Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18/8/2016 của Bộ GDĐT và Công văn số 3459/BGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2017 của Bộ GDĐT một cách linh hoạt theo các điều kiện hiện có của trường, lớp và cộng đồng.

- **Đối với lớp 1:** căn cứ khung Chương trình GDPT 2018 (Thông tư số 32/2018/BGDĐT), các văn bản hướng dẫn dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 – 2021 và tình hình thực tế của đơn vị, nhà trường thống nhất quy định về các môn học, hoạt động giáo dục, chương trình tăng cường/mở rộng, cụ thể như sau:

- Số tiết các môn học bắt buộc (6 môn học): 770 tiết/năm học

- Số tiết hoạt động trải nghiệm: 105 tiết/năm học

- Số tiết tăng cường/mở rộng: 245 tiết/năm học

- Quy định cụ thể số tiết dạy trong từng học kỳ và cả năm học:

TT	Môn học	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII
Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204												
2	Toán	105	54	51												
3	Đạo đức	35	18	17												
4	GD thể chất	70	36	34												
5	Nghệ thuật (ÂN + MT)	70	36	34												
6	Tự nhiên và xã hội	70	36	34												
7	Ngoại ngữ															
8	Tin học và Công nghệ															
9	Khoa học															
10	Lịch sử và Địa lí															
Hoạt động giáo dục bắt buộc																
11	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51												
Chương trình tăng cường/mở rộng																
12	Tiếng Việt (Bổ sung)	105	54	51												
13	Toán (Bổ sung)	70	36	34												
14	Bồi dưỡng Học sinh	35	18	17												
15	Tiết đọc Thư viện	35	18	17												
Tổng số tiết		1120	576	544												
Số tiết/tuần (cả năm học)		32 tiết/tuần														
Số buổi/tuần		9 buổi/tuần														

VI. HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH, XÃ HỘI HÓA GD:

Huy động được các nguồn lực tài chính, xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường.

- Nguồn lực tài chính:

+ Ngân sách Nhà nước: xây dựng mới thêm 8 phòng chức năng; đầu tư cho các phòng học bộ môn; sửa chữa nâng cấp các phòng học, nâng cấp hệ thống sân chơi, bãi tập,...; cung cấp trang thiết bị phục phục giảng dạy, học tập và quản lý.

+ Ngoài ngân sách (từ xã hội, PHHS...): hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ tạo cảnh quan môi trường học tập...

+ Các nguồn từ giảng dạy, dịch vụ của nhà trường: hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục, hoạt động phong trào, hội thi,...

- Nguồn lực vật chất:

+ Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ: nâng cấp hệ thống thoát nước sân trường; cải tạo, trang trí phòng học; cải tạo sân bóng đá mini.

+ Trang thiết bị phục vụ dạy - học: Thiết bị dạy học tối thiểu, bàn ghế học sinh, trang bị thêm 02 laptop, 02 màn hình, trang thiết bị ứng dụng CNTT trong dạy học và học tập, 1 máy photo, 1 phòng lab (học Anh văn); Thư viện điện tử; máy điều hòa,...

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Phổ biến kế hoạch giáo dục nhà trường:

- Tham mưu và báo cáo cho Phòng GD và ĐT huyện Tiểu Cần, UBND thị trấn Cầu Quan về kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.
- Tổ chức triển khai kế hoạch tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, Ban ĐD CMHS. Ban chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ triển khai.
- Công khai bản kế hoạch lên website trường, gmail trường, tại văn phòng.
- Các bộ phận chuyên môn triển khai, quán triệt và chỉ đạo thực hiện.
- Thực hiện sơ – tổng kết và đánh giá, rút kinh nghiệm.

2. Trách nhiệm thực hiện:

2.1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Chỉ đạo chung và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Chỉ đạo thực hiện, Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch.
- Xây dựng kế hoạch từng tháng, kế hoạch chuyên đề, chương trình hành động để cụ thể thực hiện kế hoạch chung; chịu trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, đối chiếu kết quả thực hiện với chỉ tiêu, kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học đã đề ra. Tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch; chỉ đạo các hoạt động và sinh hoạt chuyên môn toàn trường.
- Tham mưu đối ngoại với lãnh đạo các cấp, nhằm bổ sung biên chế giáo viên, tranh thủ mọi nguồn lực để hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả giáo dục.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện định mức lao động, ý thức chấp hành, kỷ luật lao động của CBGV CNV trong trường.

2.2. Trách nhiệm của Phó hiệu trưởng:

- Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.
- Thực hiện báo cáo trước hiệu trưởng hàng tuần, tháng và hàng năm theo kế hoạch; chuẩn bị nội dung chuyên môn báo cáo cấp trên và lĩnh vực được hiệu trưởng phân công.
- Nghiên cứu, phổ biến các Thông tư, Chỉ thị, Quyết định, Quy định, Hướng dẫn về chuyên môn và triển khai thực hiện. Phối hợp và chỉ đạo các bộ phận trong hoạt động thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ, các phong trào thi đua...; chỉ đạo các hoạt động và sinh hoạt chuyên môn Tổ khối.

2.3. Trách nhiệm của tổ chuyên môn, các bộ phận trong nhà trường:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch theo từng giai đoạn.
- Phân công chuyên môn, phân công dạy thay trong tổ. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho GV.
- Hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình, các quy định của Ngành cấp trên và của Bộ GD&ĐT. Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn và kỷ luật lao động của giáo viên. Tổ chức các hoạt động và đổi mới sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu.

2.4. Trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Căn cứ kế hoạch, kế hoạch năm học của nhà trường, của tổ để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hiệu quả giảng dạy và giáo dục (trình độ tin học, ngoại ngữ). Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo yêu cầu đổi mới của ngành. Ứng dụng tốt CNTT trong giảng dạy. Tham gia các hoạt động và SHCM, nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền lợi và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết giúp đỡ đồng nghiệp.

2.5. Trách nhiệm của học sinh:

- Ra sức học tập và rèn luyện các phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống; hình nhân các theo các giá trị văn hóa nhà trường đã xây dựng.

- Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, rèn kỹ năng sống, trau dồi đạo đức, hành vi phù hợp với các chuẩn mực của xã hội.

- Hành vi ngôn ngữ của học sinh phải có văn hoá, phù hợp với đạo đức lối sống của lứa tuổi tiểu học.

2.6. Trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh HS:

- Phối hợp với nhà trường trong giáo dục đạo đức, quản lý học sinh và bồi dưỡng học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị mà kế hoạch đã vạch ra. Luôn chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.

- Ban đại diện CMHS tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của HS và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục HS; luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu cụ thể của kế hoạch.

3. Chế độ thông tin báo cáo:

- Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết định kỳ.

- Thực hiện các phiếu thông tin, phiếu khảo sát, phiếu lấy ý kiến của tập thể, cá nhân về những thuận lợi, khó khăn, bất cập, đề xuất, kiến nghị, điều chỉnh,... trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tổng hợp báo cáo thường xuyên và định kỳ cho cấp quản lý, lãnh đạo và các bên có liên quan.

- Thường xuyên thực hiện công tác đánh giá, rút kinh nghiệm, bổ sung KH.

4. Kết luận và kiến nghị:

6.1. Kết luận:

- Kế hoạch là một văn bản có giá trị pháp lý và định hướng cho sự xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường đúng hướng theo lộ trình thực hiện Chương trình GDPT 2018; giúp cho nhà trường thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chuyên môn trong từng kế hoạch hàng năm học.

- Kế hoạch còn thể hiện sự quyết tâm của toàn thể CB-GV-NV và học sinh nhà trường xây dựng cho mình một thương hiệu, địa chỉ giáo dục đáng tin cậy.

- Kế hoạch của nhà trường tất nhiên sẽ có sự điều chỉnh và bổ sung. Tuy nhiên bản KH này là nền tảng để nhà trường thực đúng theo lộ trình CT GDPT 2018.

6.2. Kiến nghị:

- Đối với tỉnh: Ban hành các văn bản, các quy định kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, nhà trường có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện công tác tuyển biên chế giáo viên, nhân viên, đầu tư CSVC, trang thiết bị, công tác xây dựng kế hoạch.

- Đối với lãnh đạo huyện: Bên cạnh Đề án nhập trường, thì cần phải song hành xây dựng Đề án quy hoạch lại mạng lưới trường lớp trên địa bàn thị trấn Cầu Quan nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiếp nhận HS trong thị trấn và các vùng giáp ranh.

- Đối với PGD và ĐT: Đầu tư kinh phí xây dựng, sửa chữa, bổ sung CSVC và bổ sung biên chế giáo viên, nhân viên cho nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Phê duyệt kế hoạch và chỉ đạo các bộ phận chức năng Phòng GD và ĐT hỗ trợ cho nhà trường triển khai thực hiện đúng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với thị trấn: Hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; chỉ đạo các ban ngành đoàn thể phối hợp, hỗ trợ nhà trường trong quá trình thực hiện Chương trình GDPT 2018 và tạo các hành lang pháp lý để nhà trường có cơ sở thuận lợi trong công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương.

- Đối với trường: Tập trung công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ CB-GV-NV, tích cực đổi mới SHCM, đổi mới PPDH theo hướng tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh. Xây dựng phân phối chương trình, nội dung dạy học, thời lượng dạy học chủ động và linh hoạt, khả thi đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT 2018. Tập trung tất cả các nguồn lực (nội lực, ngoại lực) cho việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 đảm bảo thành công và hiệu quả cao.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2020 – 2021 của Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A./.

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Tiểu Cần (b/c);
- UBND thị trấn Cầu Quan (b/c);
- Các Tổ chuyên môn (th/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Lan

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

